

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**



LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa quý vị cổ đông,

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2017 có không ít thách thức, đặc biệt là từ những diễn biến phức tạp, khó lường của nền kinh tế thế giới khi những bất ổn chính trị, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch ngày càng gia tăng. Tình hình trong nước, với những diễn biến bất thường của thời tiết, khi hậu, cùng sự gia tăng tần suất và mức độ thiên tai đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của nhiều ngành và lĩnh vực, trong đó có các ngành sản xuất chủ lực như nông lâm nghiệp, thủy hải sản.

Kinh tế Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, trở ngại, kế hoạch tăng trưởng của hầu hết các ngành chủ lực đều cán đích với các con số lạc quan như chỉ số GDP đạt 6,81% (cao nhất trong 5 năm gần đây) so với mục tiêu đề ra 6,7% ; lạm phát tiếp tục được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 3,52% so với mục tiêu 4%; kim ngạch xuất khẩu tăng 14,4% so với kế hoạch đề ra 6-7%,... Tuy vậy, ngành xi măng có những đặc thù và khó khăn riêng, đặc biệt về công tác tiêu thụ do nguồn cung vượt cầu, nguồn cát xây dựng ngày càng khan hiếm, giá sắt thép tăng kỷ lục, giá nhiên liệu liên tục biến động...

VICEM HÀ TIÊN cũng không ngoại lệ, trước những diễn biến bất lợi của thị trường, VICEM HÀ TIÊN đã kịp thời điều chỉnh mục tiêu và chính sách điều hành sản xuất kinh doanh, đã tận dụng được những thuận lợi, khắc phục khó khăn phát triển thị phần, qua đó khả năng cạnh tranh và vị thế của Công ty được giữ ổn định và nâng cao trên thị trường.

Năm 2018, mục tiêu hành động của Hội đồng quản trị Công ty là tiếp tục chỉ đạo điều hành và đổi mới tu duy, phát huy lợi thế về thị trường nội địa và tìm năng xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động cốt lõi của mình, phát triển thương hiệu, nhanh chóng nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông Công ty.

Sự phát triển của Công ty cho đến nay, đều nhờ vào sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác của các Quý cổ đông, của các khách hàng và sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị chúng tôi luôn mong muốn điều này sẽ được tiếp tục phát huy tốt hơn nữa trong nhiều năm tiếp theo.

Thay mặt Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc và kính chúc mọi người luôn thành đạt trong công việc, thành công trong cuộc sống và tiếp tục gắn bó với VICEM HÀ TIÊN trong tương lai.

Trân trọng kính chào.



NGUYỄN TUẤN ANH

Nội dung

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
3. Định hướng phát triển.....	9
4. Các rủi ro	10
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	11
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự:.....	11
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:.....	13
4. Tình hình tài chính:.....	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	16
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:.....	17
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:	19
2. Tình hình tài chính năm 2017:.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị:.....	22
4. Hà Tiên 1 cam kết phát triển xanh và bền vững bằng các phương pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất với mục tiêu luôn hướng về cộng đồng.....	22
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai	23
6. Kế hoạch năm 2018	24
7. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2017	27
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
1. Về kỹ năng của HĐQT:.....	29
2. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:.....	29
3. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2018:.....	29
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
1. Hội Đồng Quản Trị.....	29
2. Ban Kiểm Soát.....	34
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký.....	35
4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:	35
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	35

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (Hà tiên 1) là Công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước và đã cổ phần hóa chuyển thành Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2007. Trong hơn 50 năm qua, Hà Tiên 1 là đơn vị chính của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, chiếm 30% thị phần của thị trường khu vực phía Nam. Cùng với thương hiệu "VICEM Hà Tiên", vị thế của Hà Tiên 1 luôn không ngừng phát triển với biểu tượng "Con kỳ lân xanh" và khẩu hiệu "Lớn mạnh do bạn và vì bạn".

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0301446422, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08/12/2016
- Vốn điều lệ : 3.816 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 3.816 tỷ đồng
- Địa chỉ : 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại : +84. 28. 38 368 363 - 38 367 195
- Số fax : +84. 28. 38 361 278
- Website : www.hatien1.com.vn
- Mã chứng khoán : HT1

Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm	Quá trình hình thành
Năm 1960:	Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên và đưa vào hoạt động từ ngày 21/3/1964
Năm 1974:	Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư chương trình khuyến khích xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương; 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức
Năm 1993:	Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên được tách thành Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 và Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2
Năm 1994:	Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 đổi tên thành "Công ty Xi măng Hà Tiên 1"
Tháng 10/1999:	Cải tổ công tác tiêu thụ sản phẩm, thành lập hệ thống các Nhà phân phối xi măng tại khu vực phía Nam.
Tháng 10/2000:	Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000
Tháng 01/2001:	Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000 tấn xi măng/năm
31/12/2003:	Chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001

- Tháng 08/2004: Hoàn thành dây chuyền sản xuất vỏ bao dán theo công nghệ hiện đại
- Tháng 12/2004: Phòng thí nghiệm Hà Tiên 1 được công nhận đạt chuẩn quốc gia với số hiệu VILAS 125
- 18/01/2007: Chuyển thể thành Công ty cổ phần, kế thừa toàn bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1
- 30/03/2007: Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh công suất 1,0 triệu tấn xi măng/năm.
- 31/03/2007: Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước công suất 1,76 triệu tấn clinker/năm và 2,0 triệu tấn xi măng/năm (01 dây chuyền xi măng đặt tại Bình Phước, 01 dây chuyền xi măng đặt tại Phú Hữu).
- 10/04/2009: Lễ khởi công dây chuyền HT2.2 tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- 12/06/2009: Đưa dây chuyền nghiền xi măng công suất 500.000 tấn tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào hoạt động
- 26/07/2010: Nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sáp nhập Công ty CP xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 đánh dấu sự thống nhất và khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Hà Tiên 1, các chi nhánh gồm:
- Nhà máy xi măng Bình Phước, địa chỉ: xã Thanh Lương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.
 - Nhà máy xi măng Kiên Lương, địa chỉ: Quốc Lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
 - Trạm nghiền Long An, địa chỉ: KCN Long Định, Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An.
 - Trạm nghiền Phú Hữu, địa chỉ: phường Phú Hữu, quận 9 - TPHCM.
 - Trạm nghiền Thủ Đức, địa chỉ: Km 8, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức – TPHCM.
 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên, địa chỉ lầu 3, số 19 đường Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- 12/07/2011: Tiếp nhận Dự án Trạm nghiền xi măng Cam Ranh từ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng, đưa Trạm nghiền Cam Ranh vào hoạt động và tổ chức sự kiện “Chào mừng tấn xi măng đầu tiên tại Trạm nghiền Cam Ranh” vào ngày 19/07/2011.
- 06/01/2012: Trạm nghiền Phú Hữu nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 20/07/2012: Nhà máy xi măng Bình Phước đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 08/12/2012: Nhận chứng nhận hợp quy QC 16-1

- 20/12/2012: Trạm nghiên Long An nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 24/12/2012: Trạm nghiên Cam Ranh nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 21/03/2014: Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển
- 24/12/2014: Công ty và các chi nhánh thực thuộc Công ty nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000
- 21/10/2015: Thành lập Chi nhánh: Xí nghiệp quản lý đường BOT Phú Hữu, địa chỉ 14/68 Đường 990, khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Tp.HCM
- 26/01/2016: Nhà máy xi măng Kiên Lương đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 28/11/2016: Hoàn tất chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 cho tất cả các chi nhánh trực thuộc Công ty
- 30/11/2016: Trạm nghiên Thủ Đức chấm dứt hoạt động để di dời sau 52 năm sản xuất kinh doanh.

Những thành tích đạt được

- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 1997 đến nay.
- Huân chương Lao động hạng III
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng
- Năm 2005 đạt danh hiệu “Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản”
- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2006
- Sao vàng đất Việt top 100 năm 2000
- Chứng nhận ISO 9001, 14001, 50001 và OHSAS 18000
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội
- Năm 2009, 2010 đạt thương hiệu chứng khoán uy tín
- Sản phẩm vàng hội nhập WTO năm 2014
- Thương hiệu Việt top 10 năm
- Năm 2016, Hà Tiên 1 vinh dự là 1 trong 2 Doanh nghiệp của Việt Nam được trao giải thưởng ASEAN-OSHNET do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và Ban điều phối Mạng An toàn, vệ sinh lao động ASEAN dành cho Doanh nghiệp điển hình tốt về ATVSLE của 10 nước ASEAN.



Sao vàng Đất Việt

Cúp vàng Vietbuild

Cúp vàng nhân hiệu và thương hiệu

Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao

Thương hiệu chứng khoán uy tín

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm từ vôi.
- Sản xuất các sản phẩm từ vôi, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng.
- Mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi, thạch cao, cát đá sỏi.

Địa bàn kinh doanh:

- Trong nước: từ Phú Yên đến Cà Mau.
- Xuất khẩu: Campuchia, Úc,...

2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị của Hà Tiên 1 là mô hình quản trị theo chức năng và được tổ chức như sau:

i. Ban quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Tổng giám đốc của Hà Tiên 1 bao gồm Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc:

- Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật của công ty, quản trị và điều hành tất cả các hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực khác nhau, bao gồm:
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.
 - Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuỗi cung ứng.

ii. Đơn vị Bán hàng

Xí nghiệp tiêu thụ có Ban giám đốc, 8 trung tâm tiêu thụ và 12 phòng ban, trong đó có trách nhiệm phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

iii. Đơn vị Sản xuất

Công ty gồm có 05 đơn vị sản xuất xi măng gồm có 02 nhà máy sản xuất clinker, xi măng và 03 trạm nghiền xi măng với nhiệm vụ sản xuất, cung cấp và phân phối xi măng cho các tỉnh, thành, đặc khu kinh tế ở phía Nam, Đông nam bộ, Tây nam bộ, Tây nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ đến Mũi Cà Mau.

iv. Phòng ban Hỗ trợ và quản lý

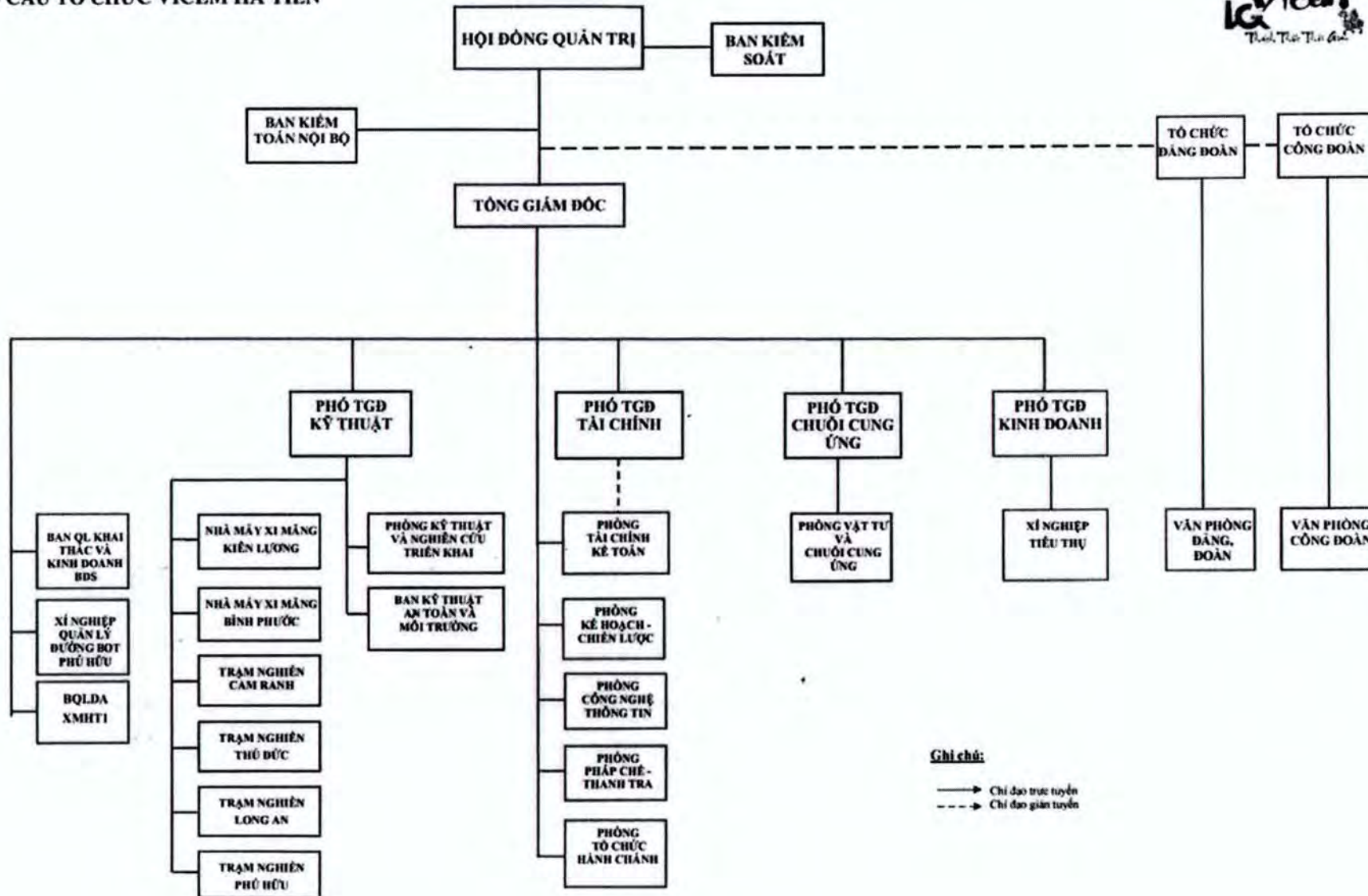
Công ty có bộ phận giúp việc và hỗ trợ gồm có 08 phòng ban quản lý tại trụ sở chính, 01 ban quản lý dự án và 01 ban quản lý bất động sản, chịu trách nhiệm hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ và triển khai đầu tư các dự án của Công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Theo mô hình tổ chức bộ máy quản lý như sau:



CƠ CẤU TỔ CHỨC VICEM HÀ TIÊN



Ghi chú:

- Chỉ đạo trực tuyến
- - - → Chỉ đạo gián tuyến

Các công ty con, công ty liên kết

i. Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô Tô

- Địa chỉ: 701 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Vốn điều lệ Công ty: 42.500.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 tham gia góp: 10.200.000.000 (góp bằng tài sản cố định và quyền thuê đất), với tỷ lệ sở hữu là 24%.

ii. Công ty CP Cao Su Bến Thành

- Địa chỉ: Lô 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hai (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su.
- Vốn điều lệ Công ty: 123.749.970.000 đồng.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 23.100.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 18,67%.

iii. Công ty CP Vicem Thạch cao Xi Măng

- Địa chỉ: 24 đường Hà Nội, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại; kinh doanh xi măng các loại, nghiền xi măng các loại; sản xuất, dịch vụ.
- Vốn điều lệ Công ty: 70.000.000.000 tỷ.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 7.000.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 10%

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Chúng tôi nhận thức rằng Hà Tiên 1 “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”, do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.
- Hà Tiên 1 cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hà Tiên 1 cam kết sản xuất xanh, phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích tổng hợp toàn diện cao nhất cho cổ đông, người lao động, cho Nhà nước, xã hội và cộng đồng.
- Hà Tiên 1 thực hiện các chiến lược về sản xuất để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu, uy tín, chất lượng. Về tiêu thụ tại khu vực phía Nam với thương hiệu dẫn đầu thị trường và chiến lược mở rộng thị trường mục tiêu ở Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và xuất khẩu sang Campuchia, Úc, các thị trường tiềm năng phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty công nghiệp xi măng ở Việt Nam.

4. Các rủi ro

Rủi ro cạnh tranh

- Tính đến cuối năm 2017 cả nước có 82 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt gần 100 triệu tấn. Dự kiến đến 2020 tổng công suất thiết kế đạt 105,46 triệu tấn/năm, dư thừa khoảng 20 triệu tấn/năm, tương ứng 19% tổng công suất làm cho mức độ cạnh tranh giữa các hãng xi măng ngày càng khốc liệt để tranh giành thị phần trong nước cũng như xuất khẩu.
- Các tập đoàn xi măng của các nước ASEAN, đặc biệt là Thái Lan, Indonesia, Malaysia tăng cường mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp xi măng Việt Nam, gia tăng đầu tư để chiếm lĩnh thị trường, thị phần.
- Công nghệ xây dựng phát triển mạnh về trình độ và ứng dụng nên vật liệu thay thế xi măng như kính cường lực, gỗ, composit, khung nhà thép,... đang có chiều hướng dịch chuyển nhanh.

Rủi ro đặc thù của ngành

- Ngành xi măng chịu nhiều tác động từ việc triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng và quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng, diễn biến của thị trường bất động sản, quy mô, tốc độ giải ngân vốn đầu tư xã hội cũng như các rủi ro địa chất thủy văn nước mặt, nước ngầm các mỏ nguyên liệu, các sự cố nằm ngoài kiểm soát trong vận hành dây chuyền máy móc thiết bị,.....
- Nguồn cát xây dựng ngày càng khan hiếm, giá cát tăng cao, với tốc độ xây dựng và sử dụng cát như hiện nay, Bộ Xây dựng dự báo đến 2020 sẽ cạn kiệt nguồn cát xây dựng.
- Quá trình đô thị hóa nhanh làm cho các vị trí nhà máy, trạm nghiền xi măng ngày càng trở nên nhạy cảm về các vấn đề môi trường, yêu cầu sản xuất sạch, xanh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên không tái sinh để phát triển bền vững.
- Giá than, điện, năng lượng, tỷ giá, lãi suất có xu hướng tăng, gây áp lực lớn làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 1.

Rủi ro khác

- Các rủi ro mưa gió, bão lũ, động đất, thiên tai, những biến động chính trị, xã hội, chiến tranh, dịch họa....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017			Thực hiện năm 2016	% so với 2016
			Thực hiện	Kế hoạch	% so Kế hoạch		
1	Tiêu thụ xi măng	Tấn	6.690.288	8.000.000	-16,37%	6.549.970	2,14%
a.	TTXM trong nước	Tấn	6.501.182	7.670.000	-15,24%	6.295.303	3,27%
b.	XM xuất khẩu	Tấn	189.106	330.000	-42,70%	254.667	-25,74%
2	Tiêu thụ clinker	Tấn	427.465	392.000	9,05%	278.389	53,55%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.209	10.116	-18,85%	8.237	-0,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	797	-24,67%	1.019	-41,08%

a. Tình hình thị trường và tiêu thụ

- Tổng sản lượng Hà Tiên 1 cả năm 2017 là 6.690.288 tấn, đạt 83,63% kế hoạch đề ra, tiêu thụ clinker 427.465 tấn, đạt 109,05% kế hoạch đề ra. So với năm 2016, tổng sản lượng xi măng tiêu thụ tăng 2,14%, đặc biệt lượng clinker tiêu thụ tăng 53,55%, chủ yếu do tăng lượng Clinker mua ngoài để cung ứng cho thị trường phía Nam.
- Tiêu thụ trong nước cả năm của Hà Tiên 1 đạt 6,5 triệu tấn tăng 4,64%, mức tăng này cao hơn mức tăng của thị trường miền Nam (tính từ Phú Yên đến Cà Mau) là 2,09%.
- Thị phần Hà Tiên 1 năm 2017 tại khu vực từ Phú Yên đến Cà Mau ước đạt 29,93%, tăng 0,73% so với 2016. Trong đó thị phần xi măng bao đạt 32,55% tăng 0,77% và thị phần xi măng rời đạt 24,79% tăng 0,58% so với 2016.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu thuần 8.209 tỷ đồng, đạt 81,15% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, 99,66% so với năm 2016.
- Lợi nhuận 600 tỷ đồng, đạt 75,28% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, 58,88% so với năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Thông tin về danh sách Ban điều hành

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN TUẤN ANH – Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 02-11-1971

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ học vấn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chuyên ngành Vận tải biển

Đại diện phần vốn NN : 572.400.000 cp, chiếm 15%

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – Phó TGD Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 02-02-1962
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ Tài Chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán.
Đại diện phần vốn NN : 381.600.000 cp, chiếm 10%

Ông MAI VĂN YÊN – Phó TGD Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 10-10-1959
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư hoá Silicat
Đại diện phần vốn NN : 381.600.000 cp, chiếm 10%

Ông NGÔ MINH LÃNG – Phó TGD Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 17-08-1957
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư cơ khí

Ông PHẠM VĂN THÔNG – Phó TGD Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương

Năm sinh : 21-11-1962
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư điện
Đại diện phần vốn NN : 381.600.000 cp, chiếm 10%

TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Bà LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG – Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Năm sinh : 18-06-1974
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ chuyên ngành kế toán tài chính

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

1. Ông Phạm Văn Thông thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để nhận nhiệm vụ mới do Vicem điều động từ ngày 1/9/2017.
2. Ông Ngô Minh Lãng nghỉ hưu từ ngày 1/9/2017.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2017 là 2.573 người.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển xi măng và Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng để VICEM báo cáo Bộ Xây dựng trình Thủ tướng phê duyệt.
- Triển khai các công tác chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và quyết toán các dự án theo kế hoạch được phê duyệt 2017.
- Thực hiện kế hoạch di dời Trạm nghiên Thủ Đức (TNTĐ) theo yêu cầu của UBND thành phố.
- Hoàn tất công tác quyết toán hoàn thành dự án BOT đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu, quận 9 trình UBND thành phố phê duyệt phương án thu phí.
- Hoàn thành công tác giải trình, bổ sung hồ sơ xin cấp phép khai thác các mỏ nguyên liệu theo yêu cầu của Tổng Cục khoáng sản và địa chất VN (mỏ đá vôi núi Trầu, Còm, Châu Hang và mỏ sét Kiên Lương đã được xác nhận trữ lượng huy động vào khai thác; mỏ đá vôi, sét, laterit Tà Thiết đã hoàn thiện hồ sơ trình Bộ TNMT; mỏ đá vôi núi Nai đã được phê duyệt ĐTM) đồng thời triển khai các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa hoạt động khai thác mỏ Khoe Lá.
- Hoàn tất công tác rà soát, cập nhật, bổ sung và ban hành Quy chế Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng áp dụng từ 01/07/2017.
- Kết quả thực hiện năm 2017:

Chi tiêu	ĐVT: triệu đồng					
	Khối lượng			Thanh toán		
	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ
TC	460.615	129.869	28%	523.343	146.559	28%
Dự án nhóm A	7.600	-	-	6.080	-	-
Dự án nhóm B	161.211	31.609	20%	187.853	43.830	23%
Dự án nhóm C	291.804	98.260	34%	329.410	102.729	31%

b. Đầu tư các Công ty con và Công ty liên kết khác

❖ Công ty con

- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% năm 2017 so với năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	-	-	
2	Chi phí		(5,03)	(1,49)	238%
3	Tổng tài sản		23,57	30,19	-21,93%

4	Vốn chủ sở hữu	23,48	28,51	-18%
---	----------------	-------	-------	------

❖ Công ty liên kết

➤ Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% năm 2017 so với năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	541,21	593,68	-8,84%
2	Lợi nhuận sau thuế		8,25	10,16	-18,77%
3	Cổ tức	%	6%	6%	0,00%
4	Tổng tài sản		200,07	185,12	8,08%
5	Vốn chủ sở hữu		121,40	119,43	1,65%

➤ Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% năm 2017 so với năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	219,02	202,88	7,95%
2	Lợi nhuận sau thuế	"-"	14,97	23,27	-35,67%
3	Cổ tức	%	9%	9%	0,00%
4	Tổng tài sản	Tỷ đồng	256,35	272,13	-5,80%
5	Vốn chủ sở hữu	"-"	195,48	194,06	0,73%

➤ Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô Tô

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% năm 2017 so với năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	676,97	937,32	-28%
2	Lợi nhuận sau thuế		1,16	5,91	-80%
3	Tổng tài sản		103,02	122,94	-16,20%
4	Vốn chủ sở hữu		43,27	45,42	-5%

4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 , cụ thể như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% so 2016	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	11,080	11,780	-5.95%	11,987
2	Doanh thu thuần	"-"	8,209	8,237	-0.34%	7,608

3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-"	568	975	-41.68%	1,001
4	Lợi nhuận khác	-"	32	44	-27.82%	42
5	Lợi nhuận trước thuế	-"	600	1,019	-41.08%	1,042
6	Lợi nhuận sau thuế	-"	486	809	-39.94%	811

b. Các chỉ tiêu tình hình sức khỏe tài chính

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
1	Chi tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.53	0.57	0.45
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.27	0.31	0.25
2	Chi tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.43	0.47	0.53
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.94	1.15	1.60
3	Chi tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8.43	9.24	8.34
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.72	0.69	0.62
4	Chi tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.92	9.82	10.65
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9.36	16.69	19.74
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.25	6.81	6.58
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6.92	11.83	13.15

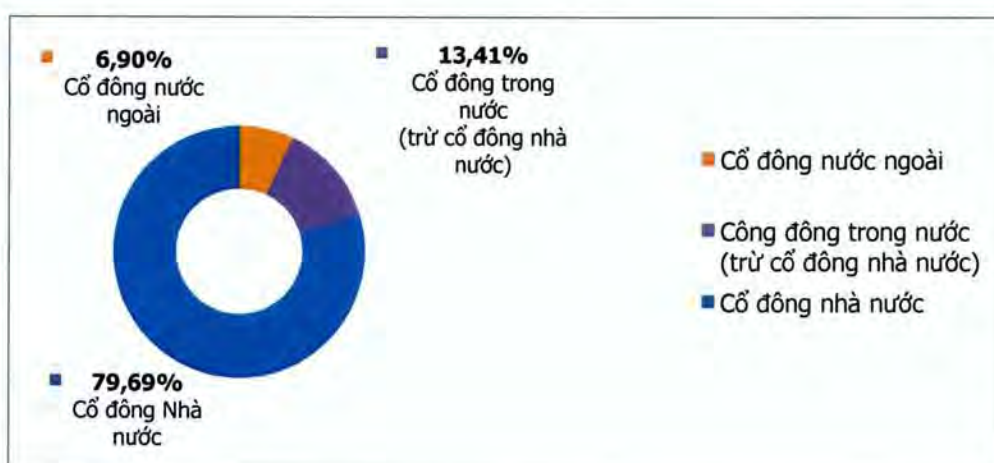
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 381.589.911 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 381.589.911 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 27/03/2018, cơ cấu cổ đông nhà nước và cổ đông khác của Hà Tiên 1 không thay đổi so với năm 2016, cụ thể như sau:



	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% Vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	4.291	381.541.911	99,99%
Cổ phiếu quỹ	1	48.000	0,01%
Tổng Cộng	4.292	381.589.911	100,00%
Trong đó:			
Cổ đông trong nước	4.146	355.273.205	90,73%
- Tổ chức	86	315.491.342	82,68%
- Cá nhân	4.060	39.781.863	10,43%
Cổ đông nước ngoài	146	26.316.706	6,90%
- Tổ chức	57	25.739.811	6,75%
- Cá nhân	89	576.895	0,15%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu được trình bày chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính tại trang 35 - 36.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính:

TT	Tên nguyên vật liệu	Đvt	Trong đó xuất cho sản xuất
1	Clinker	Tấn	3.712.867
2	Thạch cao	Tấn	281.000
3	Puzolane	Tấn	941.781
4	Vỏ bao xi măng	Cái	88.292.456
5	Cát	Tấn	97.186
6	Đá vôi	Tấn	6.545.628
7	Đất sét	Tấn	593.504
8	Laterit	Tấn	91.919
9	Giấy Kraft	Tấn	7.498

b. Tiêu thụ năng lượng

i. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Lượng điện năng tiêu thụ năm 2017 (kwh):

TT	NM/TN	Tổng điện năng tiêu thụ	Điện cho sản xuất	Điện cho phi sản xuất
1	NM Kiên Lương	218.471.813	217.957.744	514.070
2	NM Bình Phước	177.062.554	175.066.388	1,996,166
3	TN Thủ Đức	72.000		72.000
4	TN Phú Hữu	59.316.931	58.630.055	686.877
5	TN Long An	21.708.623	21.268.480	440.143
6	TN Cam Ranh	25.719.993	25.683.651	36.343
	Tổng cộng	502.351.914	498.606.318	1.749.433

ii. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến:

TT	Tên sáng kiến	Điện năng tiết kiệm được (kwh/năm)
1	Lắp biến tần cho động cơ 75kw của cầu bốc nhiên liệu tại TN Long An	105.000

2	Lắp biến tần cho quạt lọc bụi túi khu đóng bao tại TN Long An	140.000
---	---	---------

a. Tiêu thụ nước

TT	NM/TN	Tổng nước tiêu thụ (m3)	Nước tái chế, tái sử dụng (m3)	Tỷ lệ (%)	Nguồn cung cấp
1	NM Kiên Lương	793.431			Nước bơm từ sông
	Tổng cộng	793.431			
1	NM Bình Phước	602.781	9.125	1,51%	Công ty cấp nước
2	TN Thủ Đức	3.600			Công ty cấp nước
3	TN Phú Hữu	78.416	6.241	7,96%	Công ty cấp nước
4	TN Long An	12.390			Công ty cấp nước
5	TN Cam Ranh	15.678			Công ty cấp nước
	Tổng cộng	712.865			

b. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- i. Số lần bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm
- ii. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không VNĐ

c. Chính sách liên quan đến người lao động

i. Số lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2017 là 2.573 người
- Mức lương trung bình: 13,66 triệu đồng/người/tháng

ii. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Quy định chế độ bồi dưỡng độc hại, nguy hiểm bằng hiện vật
- Quy định thực hiện trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động
- Quy định công tác quản lý y tế
- Quy định quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Quy định kiểm tra ATLĐ-VSLĐ-PCCC-BVMT
- Quy định sử dụng Quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ.

iii. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại theo nhân viên: bình quân khoản 15 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Kỹ năng ảnh hưởng thuyết phục, nâng tầm lãnh đạo; Tập huấn nghiệp vụ kế toán tài chính; Nâng cao năng lực quản lý công tác đào tạo trong doanh nghiệp; Nâng cao năng lực quản lý cấp trung; Khung năng lực và ứng dụng trong QL&PTNNL; Lập kế hoạch kinh doanh & ngân sách trong bối cảnh hội nhập; Giám đốc nhân sự chuyên nghiệp; Huấn luyện Team building, giá trị cuộc sống; An toàn lao động, môi trường, ISO v.v..

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Năm 2017 Công đoàn đã phối hợp cùng Lãnh đạo Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV; duy trì và phát huy hiệu quả phong trào thi đua yêu nước đã đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Song song các hoạt động chính trị và phong trào văn thể mỹ cho CBCNV Công ty, các hoạt động xã hội-từ thiện, hỗ trợ cộng đồng cũng được quan tâm thực hiện từ nhiều nguồn đóng góp. Tổng kết năm 2017, Công ty đã ủng hộ tổng số tiền 35.039.934.515đ thông qua các chương trình như :
 - Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng; Quỹ “ Vì người nghèo” của MTTQ TP.HCM; Chương trình xã hội từ thiện của Vicem; Chương trình XHTT của địa phương có CN Cty trú đóng; Xây cầu và trùng tu di tích lịch sử của địa phương; Xây hồ bơi thiếu nhi cho NVH huyện Kiên Lương; Xây dựng trường Vĩnh Phú B – huyện Giang Thành.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

a. Tổng quan môi trường kinh doanh:

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,4% so với năm 2016, cao hơn nhiều so với mức tăng 7,4% của năm 2016. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục tăng cao với mức 14,5%, đóng góp 10,2 điểm phần trăm toàn ngành công nghiệp (đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây của ngành này nhờ phần lớn từ sự đóng góp của Samsung và Formosa).
- Lạm phát cơ bản là 1,41% thấp hơn mức kế hoạch từ 1,6-1,8%, tín dụng tăng trưởng tích cực; lãi suất cho vay giảm, thanh khoản của hệ thống ngân hàng dồi dào. Cán cân thương mại được cải thiện với mức xuất siêu 2,8 tỷ USD. Tổng phương tiện thanh toán tăng 14,19% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 16,47%); huy động vốn của

các tổ chức tín dụng tăng 14,5% (cùng kỳ năm 2016 tăng 16,88%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 16,96%. Mặc dù có sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động vốn nhưng thanh khoản của hệ thống ngân hàng và lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định.

- Nhìn chung, các chỉ số kinh tế vĩ mô năm 2017 được đánh giá là năm kỳ tích của kinh tế Việt Nam với mức tăng GDP ấn tượng, cao nhất trong 6 năm qua cùng 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội giao đều đạt và vượt kế hoạch.
- Tuy nhiên, vẫn còn những nhân tố ảnh hưởng sự tăng trưởng kinh tế năm 2017 như nợ công tăng nhanh và đang ở mức trần gây áp lực trả nợ lớn; giải ngân vốn đầu tư công dù có tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2016 song tốc độ còn chậm.
- Trong năm 2017, cả nước có 04 dây chuyền chính thức đốt lò (xi măng Thành Thắng, xi măng Xuân Thành, xi măng Long Sơn, xi măng Sông Lam) nâng tổng công suất toàn ngành đạt khoảng 97,64 triệu tấn, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu cả năm ước 80 triệu tấn, dư thừa khoảng 17-18 triệu tấn.
- Theo số Theo Vụ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng, sản lượng sản phẩm xi măng tiêu thụ năm 2017 ước đạt 80 triệu tấn, tăng 6% so với năm 2016 và đạt 100% kế hoạch; trong đó sản lượng sản phẩm xi măng tiêu thụ nội địa đạt khoảng 60,2 triệu tấn, tăng 1% với năm 2016, xuất khẩu xi măng và clinker khoảng 21 triệu tấn, tăng 28% so với năm 2016, đạt 120% kế hoạch.
- Nguyên nhân tiêu thụ xi măng tại thị trường nội địa thấp so với kế hoạch một phần do ảnh hưởng của khan hiếm nguồn cát xây dựng dẫn đến giá tăng đột biến từ 50% - 200%, giá sắt tăng kỷ lục cùng với điều kiện thời tiết bất thuận, mưa nhiều, kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thi công khiến nhiều công trình xây dựng bị giãn, hoãn.
- Xuất khẩu xi măng gặp khó do phải cạnh tranh với xi măng giá rẻ từ Trung Quốc, Thái Lan và quy định về thuế xuất khẩu, thuế GTGT; giá nguyên nhiên liệu đầu vào (xăng dầu, điện, than) và đồng Euro tăng liên tiếp làm chi phí tài chính, chi phí sản xuất tăng, lợi nhuận giảm.
- Yêu cầu về sản xuất xanh sạch đẹp, sử dụng hiệu quả tài nguyên không tái sinh, phát triển bền vững ngày càng cao đòi hỏi ngành xi măng đứng trước áp lực phải tìm được các giải pháp quản lý cũng như áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát huy hiệu quả sử dụng năng lượng, tận dụng nguồn chất thải của các ngành công nghiệp (tro bay, xỉ) làm nguyên liệu sản xuất xi măng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả đầu tư và bảo vệ môi trường.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Doanh thu thuần đạt 8.209 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đạt 600 tỷ đồng, tương ứng 81,15% và 75,33%. Nguyên nhân chủ yếu do lượng tiêu thụ thấp hơn kế hoạch và chênh lệch tỷ giá tăng do biến động của tỷ giá của cặp tiền tệ EUR/VNĐ, số liệu cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017			Năm 2016	% năm 2017 so Năm 2016
			Thực hiện	Kế hoạch	Tăng/Giảm % so kế hoạch		
1	Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	8.209	10.116	-18,85%	8.237	-0,34%
2	Lợi nhuận trước thuế	"-	600	797	-24,67%	1.019	-41,08%

2. Tình hình tài chính năm 2017:

i. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản của Hà Tiên 1 tại thời điểm này 31/12/2017 là 11.079 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn 1.723 tỷ đồng, tài sản dài hạn 9.356 tỷ đồng, lần lượt chiếm 15,5% và 84,5% Tổng tài sản. So với năm 2016, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng nhẹ chủ yếu do tăng khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm chủ yếu do trích khấu hao hàng năm làm giảm giá trị của Tài sản cố định. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Hà Tiên 1 ở mức ổn định, được sử dụng với hiệu suất cao và đem lại hiệu quả hoạt động cho Hà Tiên 1.

ii. Tình hình nợ phải trả

- Trong cơ cấu nguồn vốn của Hà Tiên 1, nợ phải trả 5.890 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu 5.189 tỷ đồng, tương ứng chiếm 53% và 47%. Trong đó, tỷ trọng nợ phải trả có xu hướng giảm nhẹ từng năm, giảm sử dụng cơ cấu đòn cân nợ. Tỷ trọng vốn sở hữu có xu hướng tăng qua từng năm kể từ năm 2013 đến nay. Do đó, Hà Tiên 1 đã tạo độ an toàn tài chính cao và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn tốt.

Biểu đồ Vốn chủ sở hữu qua các năm (Đơn vị tính: tỷ đồng)



Biểu đồ Lợi nhuận trước thuế qua các năm (Đơn vị tính: tỷ đồng)



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị:

- Xét tình hình thực tế và chính sách quy hoạch cán bộ, năm 2017 Hà Tiên 1 đã tiến hành bố nhiệm 23 CBCNV thuộc các phòng/ban, đơn vị khác nhau, thực hiện điều động 73 CBCNV, điều động và bố nhiệm 06 CBCNV, tuyển dụng 75 lao động trong toàn Hà Tiên 1.
- Tổ chức các đợt đào tạo và đào tạo lại, trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho CNKT nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác, kết quả năm 2017 tổ chức 210 lớp đào tạo cho khoảng 4972 lượt người lao động.
- Về tiền lương và thu nhập của người lao động: tiếp tục trả lương theo chức danh công việc và hỗ trợ các khoản phụ cấp, tiền cơm ca theo quy định.
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thành chương trình tái cơ cấu tổ chức toàn Hà Tiên 1 theo công đoạn & 7 phân đoạn, kèm chức năng nhiệm vụ;
- Hoàn tất phương án di dời Trạm nghiên cứu Thủ Đức; sắp xếp bố trí lại lao động và đã giải quyết chế độ chính sách cho người lao động được 50% số tiền đề nghị nêu trong Phương án;

4. Hà Tiên 1 cam kết phát triển xanh và bền vững bằng các phương pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất với mục tiêu luôn hướng về cộng đồng

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng chất thải của ngành nghề khác (xi, tro bay...) thay thế nguyên liệu không tái tạo được để sản xuất xi măng.
- Thực hiện nghiêm túc tiến độ kế hoạch sản xuất xanh, giảm phát thải CO2 ra môi trường do Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đề ra.
- Thực hiện nhiều biện pháp phối hợp không để xảy ra sự cố môi trường và không bị cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường xử phạt.
- Kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động sản xuất, không để phát tán bụi làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư địa phương nơi có Chi nhánh sản xuất đóng trú; trong năm không bị phản ánh khiếu nại về môi trường từ địa phương.
- Hưởng ứng nhiệt liệt ngày môi trường thế giới 5/6 bằng nhiều hoạt động sôi nổi tích cực như tổ chức cuộc thi " Sức sống mới từ phế thải"; " Phân loại và tái chế chất thải; trồng cây xanh ...
- Chuyển đổi thành công Tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 14001 lên phiên bản 2015 và hoàn tất chứng nhận ISO 50001 ở tất cả Chi nhánh. Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế này giúp nhận diện các rủi ro về chất lượng, an toàn, môi trường, năng lượng xuyên suốt quá trình sản xuất. Đó là có cơ sở để đưa ra các giải pháp kiểm soát thích hợp. Ngoài ra, áp dụng hệ thống quản lý sẽ giúp phân chia trách nhiệm và nghĩa vụ rõ ràng trong công tác BVMT, việc phối hợp, kiểm tra kiểm soát giữa các Cấp mang lại hiệu quả cao hơn.
- Hàng năm, Hà Tiên 1 đều ký hợp đồng với các bệnh viện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV và ít nhất 6 tháng 1 lần đối với các CBCNV công việc nặng nhọc, độc

hại, nguy hiểm; khám sức khỏe định kỳ cho NLD có bệnh nghề nghiệp. Trước tiên là đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật; tiếp sau đó là kiểm soát được sức khỏe của Người lao động, đảm bảo lợi ích của người lao động.

- Năm 2017, không để xảy ra tai nạn lao động trong phạm vi Nhà máy và Trạm nghiên.
- Vào tháng 05/2017, để hưởng ứng tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động, Hà Tiên 1 tổ chức hội thi Tìm hiểu pháp luật về an toàn vệ sinh lao động trong đó có sự phối hợp hỗ trợ chuyên môn của Cục An toàn Lao động. Qua sự kiện này thấy được sự quan tâm đầu tư cho công tác ATVSLĐ của cấp lãnh đạo và Công đoàn công ty. Thông qua hội thi, các kiến thức về Luật ATVSLĐ đã đi sâu hơn đến được với rộng rãi người lao động.
- Hà Tiên 1 phát động phong trào trồng cây tạo cảnh quan xanh sạch đẹp, tiến tới kiến tạo một công viên xi măng, tạo môi trường làm việc trong lành tươi mát cho người lao động. Ngân sách dành cho mở rộng khuôn xanh hàng năm đều được sử dụng 100%. Với sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của lãnh đạo Hà Tiên 1 và CBCNV, các đơn vị đã duy trì và phát triển cây xanh, thảm cỏ trên mặt bằng sân bãi của các Trạm nghiên và Nhà máy, hiện nay Diện tích cây xanh đã chiếm từ 20% đến 30% tổng diện tích mặt bằng.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Hà Tiên 1 đặt mục tiêu đến 2020 chiếm 39% thị phần, sản lượng 9 triệu tấn tăng 1,42 lần so với năm 2017. Tầm nhìn đến 2030, Hà Tiên 1 đặt mục tiêu tiêu thụ xi măng 15,48 triệu tấn, tăng 1,63 lần so với năm 2020, giữ vị thế hàng đầu trong ngành xi măng tại thị trường Đông Dương, thị phần chiếm giữ từ 35 – 47% tại các thị trường cốt lõi.
- Để thực hiện mục tiêu dài hạn nêu trên, Hà Tiên 1 triển khai chương trình đầu tư xây dựng tăng năng lực sản xuất, chiến lược sáp nhập (M&A) một số doanh nghiệp xi măng thích hợp tại khu vực thị trường miền Nam bổ sung năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sẽ tăng trưởng tương lai.
- Các dự án, chương trình đầu tư trọng điểm:
 - **Dự án di dời Trạm nghiên Thủ Đức (2017 – 2021):** 01 Dc sản xuất xi măng CS 1 triệu tấn/năm (2017-2021) bù cho công suất tại TNTĐ
 - **Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước – giai đoạn 2 (2017-2025)**
Bao gồm 06 dự án thành phần có thể tách ra để triển khai độc lập, theo phân kỳ đầu tư tại các vị trí địa điểm như sau:
 - + 02 lò 6.000 tấn/ngày (2017- 2021) và (2021-2025) tại NMBP;
 - + 01 DC xi măng 1,5 triệu tấn/năm tại KCN Hiệp Phước, TP.HCM (2017-2021);
 - + 01 DC xi măng 1,5 triệu tấn/năm tại TNLA (2021-2025);
 - + 01 DC xi măng 1,0 triệu tấn/năm tại TNCR (2021-2025);
 - + 01 DC xi măng 1,0 triệu tấn/năm đặt tại NMBP (2021-2025);
 - **Dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp DC1-NMKL (2017-2021)**

Bao gồm 02 dự án thành phần có thể tách ra để triển khai độc lập theo phân kỳ đầu tư như sau:

- + Dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp DC1-NMKL (2017-2021)
- + 01 DC xi măng 1.000.000 tấn/năm đặt tại NMKL (2017-2021).

6. Kế hoạch năm 2018

a. Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018

- Năm 2018, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro; xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Ở trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém: Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp; việc cơ cấu lại nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực trọng yếu đòi hỏi nguồn lực và thời gian thực hiện; nguồn vốn cho đầu tư phát triển ngày càng sụt giảm, nợ xấu ngân hàng lớn; doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả, kinh tế ngày càng phụ thuộc vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và vấn đề ô nhiễm môi trường.
- Trên cơ sở đánh giá bối cảnh trong nước & quốc tế, những thuận lợi, khó khăn; kiên định thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển KT - XH năm 2018 đặt mục tiêu GDP tăng 6,5% - 6,7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7% - 8%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; tổng vốn ĐTPT toàn xã hội khoảng 33% - 34% GDP.
- Tính đến cuối năm 2017 cả nước có 82 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt gần 100 triệu tấn. Dự kiến đến 2020 tổng công suất thiết kế đạt 105,46 triệu tấn/năm, dư thừa khoảng 20 triệu tấn/năm, tương ứng 19% tổng công suất làm cho mức độ cạnh tranh giữa các hãng xi măng ngày càng khốc liệt để giành lấy thị phần trong nước cũng như xuất khẩu.
- Chính phủ có chủ trương khuyến khích đầu tư ngoài nhà nước phát triển cơ sở hạ tầng; tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các nguồn vốn đầu tư; đẩy nhanh tiến độ triển khai, chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông trọng điểm; sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình quan trọng cấp bách, các dự án nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ, du lịch quy mô lớn. Dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng tăng khoảng 4 – 6% so với năm 2017, cùng với việc sửa đổi, bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với xi măng xuất khẩu sẽ tháo gỡ một phần khó khăn, tạo thêm động lực để gia tăng xuất khẩu cho ngành công nghiệp xi măng.
- Tình trạng khan hiếm cát xây dựng dự báo còn tiếp tục đến năm 2020. Yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng cao tiếp tục là những thách thức lớn đối với ngành xi măng, toàn bộ các nhà máy xi măng trong nước bắt buộc lắp hệ thống kiểm tra về môi trường online từ năm 2018. Thêm vào đó xu hướng sử dụng những sản phẩm thân thiện môi trường (kính xây dựng LowE, hệ thống vách ngăn, tường ngăn bằng thạch cao, vật liệu không nung....) đặt ra thách thức đối với sự phát triển của ngành.

b. Mục tiêu năm 2018

- Trước những khó khăn và thách thức của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng như trên, Hà Tiên 1 đã đề ra các mục tiêu phấn đấu năm 2018, như sau:

i. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm

	Chi danh	ĐVT	Mục tiêu năm 2018	Thực hiện 2017	% mục tiêu so năm 2017
I	TIÊU THỤ XI MĂNG	Tấn	6.900.000 ↓	6.690.288	3,13%
1	Tiêu thụ nội địa	"	6.700.000	6.501.182	3,06%
2	Xuất khẩu	"	200.000	189.106	5,76%
II	TIÊU THỤ CLINKER	Tấn	628.800	427.465	47,10%
III	TIÊU THỤ SP KHÁC				
1	Gạch không nung	Viên	1.000.000	783.953	27,56%
2	Cát tiêu chuẩn	Kg	150.000	87.658	71,12%

ii. Các mục tiêu tài chính:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng/Giảm % Kế hoạch so thực hiện 2017	Năm 2016	% năm 2018 so Năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	8.330	8.209	1,47%	8.237	1,13%
2	Lợi nhuận trước thuế	"	719	600	19,81%	1.019	-29,41%

iii. Công tác tổ chức lao động:

- Tiếp tục tổ chức đào tạo theo quy hoạch và đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác trên cơ sở kết quả chương trình đánh giá theo khung năng lực chuẩn.
- Trong năm 2018 sẽ tiến hành nâng lương cho CBCNV có kết quả làm việc tốt và chưa được điều chỉnh, đồng thời tiếp tục hoàn thiện. Hệ thống thang bản lương theo chức danh công việc, tiếp tục hoàn thiện phương án phân phối thu nhập mới và sẽ thực hiện chuyển đổi khi đủ điều kiện.
- Duy trì ổn định thu nhập Người lao động trên cơ sở năng suất lao động tăng.
- Tiếp tục hoàn thiện CCTC Tổ chức theo mô hình 05 công đoạn 07 phân đoạn chi tiết. Rà soát, điều chỉnh CNNV, MTCV trong trường hợp thực tế có điểm chưa phù hợp.

- Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, hoàn thiện bộ máy QLDA theo hướng tập trung, chuyên trách nhằm nâng cao hiệu quả QLDA ĐTXD, sắp xếp kiện toàn bộ máy QLDA ĐTXD thành 3 cấp:
 - + Cấp quản lý KHCL về ĐTXD bao gồm HĐQT, BTGD, các phòng ban VPC;
 - + Cấp Ban QLDA chuyên trách, tập trung;
 - + Cấp quản lý dự án ĐTXD cơ sở ở các NM, TN, XN.

iv. Các mục tiêu đầu tư xây dựng:

Đvt: triệu đồng

Chỉ danh	UTH 2017		Kế hoạch 2018		+/- so với UTH 2017	
	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán
TC	129.869	146.559	224.690	220.140	94.821	73.581
Dự án nhóm A	0	0	1.000	1.000	1.000	1.000
Dự án nhóm B	31.609	43.830	111.927	106.798	80.318	62.968
Dự án nhóm C	98.260	102.729	111.763	112.342	13.503	9.613

- **Quy hoạch giai đoạn 2017-2025 thông qua VICEM, trình BXD, Thủ tướng:**
 - + Quy hoạch phát triển xi măng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến 2035 đối với Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước Giai đoạn 2 & Dự án nâng công suất lò 1 Nhà máy Kiên Lương;
 - + Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng tại Nhà máy Bình Phước, Nhà máy Kiên Lương.
- **Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án theo Quy hoạch được duyệt:**
 - + Dự án Nhà máy Bình Phước – giai đoạn 2 phân đoạn 1 (2017-2021)
 - + Dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp Dự án nâng công suất lò 1 Nhà máy Kiên Lương.
- **Phương án di dời Trạm nghiền Thủ Đức:**
 - + Hoàn thành công tác trình duyệt phương án di dời Trạm nghiền Thủ Đức; phê duyệt lựa chọn vị trí địa điểm đầu tư 01 dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1,0 triệu tấn/năm thay thế Trạm nghiền Thủ Đức.
 - + Triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư 01 dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1,0 triệu tấn/năm theo phương án và vị trí địa điểm được duyệt.
 - + Hoàn thành quy hoạch 1/500, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng đất Trạm nghiền Thủ Đức, lập dự án đầu tư phục vụ phương án di dời.
- **Tiếp tục triển khai Chương trình tối ưu hóa sản xuất giai đoạn 2017-2020:**

- + Đối với các nút thắt đã có trong phương án, kế hoạch xử lý: triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.
- + Tiếp tục kiểm tra rà soát, đề xuất phương án xử lý các nút thắt mới (nếu có).
- **Hoàn tất xin cấp phép:**
 - + Mỏ đá vôi núi Trầu, Còm, Châu Hang (mở rộng nâng công suất) trong Quý I+II/2018.
 - + Mỏ sét Kiên Lương (Lô 4) trong Quý I+II/2018.
 - + Mỏ đá vôi, sét, laterit Tà Thiết (mở rộng nâng công suất) trong Quý I+II/2018.
 - + Mỏ núi Nai trong Quý II+III/2018.
- **Tiếp tục triển khai thực hiện công tác chi bồi thường GPMB dự án Khai thác mỏ đá vôi Thanh Lương để giữ mỏ nguyên liệu cho Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước giao đoạn 2.**

7. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2017

a. Công tác tiêu thụ:

- Định vị giá sản phẩm cho từng phân khúc thị trường để tăng lợi thế cạnh tranh với mỗi đối thủ cụ thể ở từng khu vực thị trường từ đó có chính sách bán hàng phù hợp.
- Cải tiến và hoàn thiện kênh phân phối và chiến lược bán hàng để chiếm lĩnh thị phần xi măng bao trong phân khúc công trình.
- Xây dựng chương trình giá trị gia tăng để duy trì và tạo giá trị, đẳng cấp của NPP Hà Tiên 1 thông qua chương trình “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”.
- Chương trình marketing để người tiêu dùng cảm nhận sản phẩm của Hà Tiên 1 tốt cho cả đổ móng, bê tông và xây tô.
- Điều chỉnh kênh phân phối để tăng thị phần tại khu vực Hà Tiên 1 còn yếu và thực hiện phân chia hệ thống cửa hàng VLXD để ổn định kênh phân phối.
- Tối ưu hóa các điểm giao hàng, phân bổ lại các thị trường theo nguồn nhận, chủng loại và điều kiện xuất hàng.
- Phát triển kênh phân phối và tập trung dịch vụ sau bán hàng cho NPP, khách hàng xi măng rời.
- Mở rộng thị trường Campuchia, và phát triển thị trường xuất khẩu mới.

b. Công tác sản xuất:

- Duy trì dây chuyền thiết bị hoạt động ổn định với năng suất cao; chất lượng xi măng, clinker ổn định.
- Tăng cường, thực hiện tốt vai trò đầu tàu và dẫn dắt, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu về tối ưu hóa hoạt động sản xuất, tối ưu hóa định mức KTKT, giảm định mức clinker thay bằng xỉ, tro bay, xỉ măng đa cấu tử; tiếp tục chương trình ứng dụng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, sản xuất xanh, sạch giảm phát thải khí CO₂, nghiên cứu phát triển sản phẩm, thực hiện tốt công tác sửa chữa, bảo trì, kiểm soát chất lượng và hiệu quả sản xuất.

c. Công tác đầu tư xây dựng:

- Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, hoàn thiện bộ máy QLDA theo hướng tập trung, chuyên trách nhằm nâng cao hiệu quả QLDA ĐTXD, sắp xếp kiện toàn bộ máy QLDA ĐTXD thành 3 cấp:
 - + Cấp quản lý KHCL về ĐTXD bao gồm HĐQT, BTGD, các phòng ban VPC;
 - + Cấp Ban QLDA chuyên trách, tập trung;
 - + Cấp quản lý dự án ĐTXD cơ sở ở các NM, TN, XN.
- Tiếp tục rà soát Quy chế QLDA ĐTXD, ban hành quy trình triển khai công tác QLDA ĐTXD, thống nhất thực hiện trong toàn Hà Tiên 1.
- Tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng, đãi ngộ cần thiết đảm bảo đội ngũ CBCNV quản lý dự án ĐTXD đáp ứng công việc và đủ điều kiện theo quy định pháp luật.
- Tăng cường công tác hỗ trợ hướng dẫn, giám sát, đánh giá tại các Đơn vị được giao làm đại diện Chủ đầu tư, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định.
- Lựa chọn đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công đảm bảo đủ năng lực kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu công việc, tiến độ thi công của DA.

d. Trách nhiệm với xã hội, môi trường, bảo đảm môi trường xanh:

- Đang Triển khai dự án lắp đặt Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục cho các Chi nhánh sản xuất để tuân thủ yêu cầu của pháp luật đồng thời kiểm soát nồng độ phát tán các thông số gây ô nhiễm môi trường để có biện pháp kiểm soát nhanh chóng và hiệu quả.
- Luôn xem xét đến yếu tố môi trường trong khi triển khai các dự án mới tại các Chi nhánh;
- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về AT-VSLĐ-PCCN tại lần 2 năm 2018.
- Quản lý và vận hành đạt yêu cầu Hệ thống quản lý ISO tích hợp trong Hà Tiên 1 nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất và hoạt động bảo vệ môi trường luôn song hành cùng nhau.
- Hoàn thiện checklist môi trường, checklist an toàn để đưa vào sử dụng chính thức, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác kiểm tra giám sát an toàn môi trường.
- Không để xảy ra tai nạn lao động trong phạm vi Nhà máy và Trạm nghiên.

e. Công tác khác:

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các biện pháp để tối ưu hóa quy trình thu mua hàng hóa, chi phí lưu chuyển, chi phí tồn kho, quy trình quản lý nhà cung cấp,... trên toàn chuỗi cung ứng từ khâu đầu vào (đối tác, nhà cung cấp, nhà cung cấp của nhà cung cấp) đến khâu cung ứng sản phẩm, dịch vụ để kiểm soát chất lượng NNVL đầu vào, chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Hà Tiên 1 cung cấp cho khách hàng với thời gian tối ưu nhất.

- Tìm kiếm, đàm phán ký hợp đồng gia công xi măng trung hạn xi măng đáp nhu cầu tiêu thụ và mua clinker đảm bảo cung cấp đủ cho sản xuất trong thời gian chờ hoàn thành kế hoạch đầu tư.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Về cơ cấu của HĐQT:

Hiện nay, HĐQT gồm 8 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, chiếm 37,5% số lượng Thành viên Hội đồng quản trị CTy.
- 02 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành Công ty
- 03 thành viên còn lại đều trực tiếp trong Ban điều hành Công ty.
- Tất cả 08 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.

b. Về kỹ năng của HĐQT:

- Tất cả các thành viên HĐQT đều là những Nhà lãnh đạo cấp cao của Tổng Công ty hoặc các Công ty, là những Người có đạo đức tốt, sức khỏe đảm bảo, có bề dày kinh nghiệm trong lãnh đạo Doanh nghiệp. Đặc biệt HĐQT là một tập thể có trình độ quản lý và chuyên môn giỏi trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư, tài chính, vận tải.....
- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đã đề ra các quyết định kịp thời trong năm 2017, tạo điều kiện cho Hà Tiên 1 hoạt động hiệu quả trong bối cảnh thị trường xi măng đang dư cung, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2017 của Hà Tiên 1 đã đạt kết quả rất tốt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

c. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:

- HĐQT luôn tạo được sự gắn kết cùng nhau, đoàn kết một lòng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích cổ đông, vì sự phát triển bền vững và ổn định của Hà Tiên 1.
- Tất cả các chỉ đạo, điều hành của HĐQT đều được thực hiện theo đúng điều lệ hoạt động của Hà Tiên 1, đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

d. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2018:

- Đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng điều lệ hoạt động, đúng nghị quyết của ĐHCĐ Công ty và đúng với các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Duy trì các chương trình họp HĐQT mỗi quý một lần để đề ra những quyết sách lớn nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu do ĐHCĐ đề ra.
- Tiếp tục tạo môi trường tốt cho hoạt động của Hà Tiên 1.
- Chú trọng các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, đầu tư; Đẩy mạnh công tác xuất khẩu.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị

a. Thông tin về danh sách Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN VIỆT THẮNG – Chủ tịch HĐQT (*)

Năm sinh : 29-02-1968
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế

Ông NGUYỄN NGỌC ANH – Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 02-08-1953
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ Sư Hoá Silicat, Kỹ sư điện tử

Ông NGUYỄN TUẤN ANH – TV HĐQT – TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 02-11-1971
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chuyên ngành Vận tải biển

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1

Năm sinh : 02-02-1962
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ Tài chính- ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán

Ông CÁI HỒNG THU – TV HĐQT - Phó TGD Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam

Năm sinh : 02-08-1959
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư hoá

Ông MAI VĂN YÊN – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1- thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2015

Năm sinh : 10-10-1959
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư hoá Silicat

Ông PHẠM VĂN THÔNG – TV HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương.

Năm sinh : 21-12-1962
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kỹ sư điện

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN VĂN CHUYỀN – TV HĐQT

Năm sinh : 18-08-1962
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Kinh doanh khai thác vận tải biển

Ông TÔ HẢI – TV HĐQT

Năm sinh : 01-12-1973
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

() Ông Trần Việt Thắng thôi làm CTHĐQT từ ngày 17/8/2017*

b. Các phiên họp của HĐQT

Từ sau Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đến nay HĐQT đã tiến hành họp 04 phiên:

I. PHIÊN HỌP LẦN THỨ BA MƯƠI LĂM:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 30/06/2017.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD Quý 1 và dự báo Quý 2 năm 2017.
 - Thị trường và Tiêu thụ Quý 1; 5 tháng và dự báo 6 tháng đầu năm 2017.
 - Hoạt động SX; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Các định mức tiêu hao tại các cơ sở SX của Cty 5 tháng đầu năm 2017.
 - Tình hình hoạt động của các thiết bị chính; Công tác sửa chữa và đại tu đã thực hiện trong 5 tháng và dự kiến thực hiện trong những tháng còn lại của năm 2017.
 - Công tác quản lý Chuỗi cung ứng Quý 1 và 5 tháng đầu năm 2017.
 - Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Cty.
 - Cập nhật công tác kiểm toán nội bộ 5 tháng đầu năm 2017
2. Công tác Quản lý và XD CB
 - Cập nhật tình hình di dời, thanh lý và giải tỏa Trạm nghiên Thủ Đức.
 - Cập nhật công tác định hướng phát triển năng lực nghiên mới thay thế Trạm nghiên Thủ Đức.
 - Cập nhật tình hình quy hoạch 1/500 Trạm nghiên Phú Hữu.
 - Công tác chuẩn bị đầu tư cải tạo dây chuyền 1 XMKL và đầu tư mới dây chuyền 2 Nhà máy XM Bình Phước.

II. PHIÊN HỌP BẤT THƯỜNG NGÀY 17/08/2017

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 17/08/2017.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 8/9 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

- Hội đồng quản trị chấp thuận thôi chức vụ Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị và từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Trần Việt Thắng nhiệm kỳ 2015 - 2020 kể từ ngày 17/08/2017.
- Hội đồng quản trị chấp thuận giao cho ông Nguyễn Tuấn Anh tạm thời điều hành Hội đồng quản trị kể từ ngày 17/08/2017 cho đến khi có Quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

III. PHIÊN HỌP LẦN THỨ BA MƯƠI SÁU:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 17/11/2017.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/8 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD Quý 2, Quý 3 và dự báo cả năm 2017.

- Thị trường và Tiêu thụ 10 tháng đầu năm và dự báo cả năm 2017. So sánh cùng kỳ
- Hoạt động SX; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng và thực hiện định mức tiêu hao tại các cơ sở SX của Cty 10 tháng đầu năm 2017.
- Tình hình hoạt động của các thiết bị chính; Công tác sửa chữa và đại tu đã thực hiện trong 10 tháng và dự kiến thực hiện trong năm 2017.
- Công tác quản lý Chuỗi cung ứng 10 tháng đầu năm 2017.
- Công tác gia công, hỗ trợ gia công sản phẩm và hiệu quả của nó trong hoạt động của Công ty.
- Cập nhật công tác kiểm toán nội bộ 10 tháng đầu năm 2017.

2. Công tác quản lý và XD/CB

- Biến động thay đổi nhân sự trong HĐQT Cty.
- Danh mục và quy trình lựa chọn, quản lý Nhà cung cấp Vật tư, Nguyên, nhiên hượat liệu cho hoạt động SX-KD của Cty.
- Các chỉ số định hướng xây dựng Ngân sách năm 2018 (Sản lượng tiêu thụ; EBITDA; EBIT; Chi phí quản lý/Doanh thu; Chi phí bán hàng/Doanh thu; Chi chí sửa chữa/Doanh thu; Biến động tỷ giá dự kiến; Thời gian huy động SX/ Tổng thời gian; Định mức Kinh tế-Kỹ thuật; Quy định chất lượng; v.v...).

IV. PHIÊN HỌP LẦN THỨ BA MƯƠI BẢY:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 02/03/2018.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Võ Văn Kiệt, Q.1- TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 8/8 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD năm 2017 và dự báo Quý 1 năm 2018.

- Thị trường và Tiêu thụ năm 2017; Dự báo tình hình SX-KD Quý 1/ 2018.
- Hoạt động quản lý SX nổi bật; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Tình hình thực hiện các định mức Kinh tế - Kỹ thuật tại các cơ sở SX của Cty năm 2017.
- Công tác quản lý Chuỗi cung ứng ở các Trạm và Nhà máy thuộc Cty năm 2017
- Báo cáo Tài chính năm 2017 của Cty.
- Ngân sách năm 2018.
- Chương trình kiểm toán nội bộ năm 2018 và mục tiêu kiểm toán Quý 1/ 2018.

2. Đại hội cổ đông 2018

- Kế hoạch đại hội: Thời gian, địa điểm, chốt cổ đông và công tác chuẩn bị, phục vụ.
- Nội dung và chương trình đại hội.
- Dự kiến phân công giải đáp tại đại hội.

3. Các công việc khác có liên quan

Kế hoạch lao động, đào tạo và Quỹ tiền lương 2018 của Người lao động.

c. Các nghị quyết và quy chế đã phê duyệt của HĐQT

+ Các quy chế đã thông qua và ban hành:

- Tất cả các thành viên HĐQT CTy CP Xi Măng Hà Tiên 1 đã chuẩn thuận phê duyệt ban hành và ban hành lại tổng cộng 03 Quy chế, cụ thể:

Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
06/01/2017/NQ-HĐQT	31/01/2017	Sửa đổi và bổ sung Quy chế xây dựng và quản lý ngân sách của Công ty CP xi măng Hà Tiên 1
03/06/2017/NQ-HĐQT	13/06/2017	Chuẩn thuận phê duyệt ban hành quy chế quản lý dự án ĐTXD Hà Tiên 1.
07/06/2017/NQ-HĐQT	01/07/2017	Phê duyệt ban hành mới Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa và dịch vụ thuê ngoài của Công ty CP xi măng Hà Tiên 1

- Các Nghị quyết: Tất cả các thành viên HĐQT đã thông qua tổng cộng 59 Nghị quyết, trong đó có 3 Nghị quyết họp chính phiên và 56 Nghị quyết luân chuyển, chi tiết được ghi trong phụ lục đính kèm.

2. Ban Kiểm Soát

a. Thành viên Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

Ông PHẠM ĐỨC TRUNG – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh : 02-05-1968
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Cử nhân Kinh tế

Ông PHẠM THẾ NGHĨA – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh : 1976
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh

Bà TRẦN THỊ BÍCH THỦY – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh : 27-09-1978
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh

Bà NGUYỄN THỊ TỔNG – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh : 27-09-1976
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Chứng chỉ Kế toán tài chính

Bà PHÙNG THỊ TÂN THANH – Thành viên Ban kiểm soát (*)

Năm sinh : 1981
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ học vấn : Thạc sĩ Kinh tế phát triển

() Bà Phùng Thị Tân Thanh thôi làm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1/10/2017.*

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các công tác đã thực hiện năm 2017 của Ban kiểm soát:

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty khi được mời;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong năm, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành;
 - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty khi được đề nghị;
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với HĐQT và Ban Điều hành;
 - Thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty 6 tháng và cả năm;

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký

a. Hội đồng quản trị & Thư ký :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đ/tháng
- Phó chủ tịch hội đồng quản trị : 5.000.000 đ/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đ/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị : 3.000.000 đ/tháng

b. Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đ/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/tháng

Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện chi trả hàng tháng cố định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, cụ thể trong năm 2017 chi thù lao từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017 như sau :

- Hội Đồng Quản Trị & Thư ký : 480.000.000đ/năm
- Ban kiểm soát : 183.000.000đ/năm

3. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

Không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)

Số: **0.4.2.2**./2018/QĐ-TGD

Tp. Hồ Chí Minh, **28-03-2018**



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ủy quyền chỉ đạo điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301446422 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1;
- Căn cứ Quyết nghị số 02/11/2016/QĐ-HĐQT ngày 09/11/2016 của Hội đồng quản trị v/v bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1;
- Căn cứ Quyết định số 04/07/2016/QĐ-HĐQT ngày 15/7/2016 của Hội đồng quản trị v/v bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1;
- Xét tình hình hoạt động của Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho ông **Mai Văn Yên** - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, thay mặt Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành các công việc của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc và ký duyệt các văn bản, chứng từ phát sinh trong thời gian Tổng giám đốc đi công tác trừ lĩnh vực điều hành công tác tổ chức và nhân sự.

Thời gian ủy quyền: từ ngày 29/3/2018 đến hết ngày 30/3/2018.

Điều 2. Ông **Mai Văn Yên** có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của Công ty có liên quan, không được ủy quyền lại và báo cáo Tổng giám đốc khi thực hiện công việc được ủy quyền nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/3/2018.

Ông **Mai Văn Yên**, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng Đơn vị và cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Mai Văn Yên



Nguyễn Tuấn Anh

Nơi nhận:

- Như Điều 3 “để thi hành”;
- Lưu: TCHC, TTPC.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 47

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLĐ do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh
lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014
Ngày 8 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đã được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 17 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	
Ông Tô Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Mai Văn Yên	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Trung	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tô Nga	Thành viên	
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	
Bà Phùng Thị Tân Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Minh Lãng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Phạm Văn Thông	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Ông Mai Văn Yên được Ông Nguyễn Tuấn Anh ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 0422/2018/QĐ-TGD ngày 28 tháng 3 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Mai Văn Yên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60933836/19356583-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hạng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.723.084.516.831	1.760.144.514.742
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	347.226.460.747	486.088.026.256
111	1. Tiền		333.889.278.235	486.088.026.256
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.337.182.512	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		37.390.922	7.406.277.600
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	57.792.006	10.776.291.414
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(20.401.084)	(3.370.013.814)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		525.846.193.786	455.101.314.609
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	426.795.544.158	409.404.724.630
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	30.554.663.911	24.946.110.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	68.325.751.058	19.867.036.426
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(1.023.695.896)	(2.656.659.300)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.193.930.555	3.540.102.193
140	IV. Hàng tồn kho		831.690.376.784	797.397.607.075
141	1. Hàng tồn kho	9	862.430.063.763	828.231.955.979
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(30.739.686.979)	(30.834.348.904)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.284.094.592	14.151.289.202
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.170.090.474	4.827.318.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.925.227.118	9.323.970.917
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		188.777.000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.356.491.080.896	10.019.996.994.991
210	I. Phải thu dài hạn		11.049.895.574	11.818.942.773
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	11.049.895.574	11.818.942.773
220	II. Tài sản cố định		8.149.184.589.533	8.627.004.921.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.041.693.352.081	8.517.674.270.446
222	Nguyên giá		13.477.157.399.930	13.671.017.588.021
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.435.464.047.849)	(5.153.343.317.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	107.491.237.452	109.330.651.291
228	Nguyên giá		130.631.646.083	128.887.414.310
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.140.408.631)	(19.556.763.019)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		957.036.498.919	1.116.159.605.093
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	957.036.498.919	1.116.159.605.093
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	6.2	39.749.100.000	53.384.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		10.200.000.000	23.970.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	56.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(26.450.900.000)	(26.586.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		199.470.996.870	211.629.525.388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	93.013.807.671	95.597.815.057
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	2.430.401.050	7.122.164.945
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		103.725.470.987	108.909.545.386
269	4. Lợi thế thương mại		301.317.162	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.079.575.597.727	11.780.141.509.733

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.890.432.286.138	6.585.583.957.760
310	I. Nợ ngắn hạn		3.248.547.020.239	3.064.975.785.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	784.647.070.220	873.320.088.369
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	42.081.540.536	24.747.072.369
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	56.493.344.399	104.769.639.908
314	4. Phải trả người lao động		85.240.819.543	106.002.646.363
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	71.321.697.278	75.655.631.984
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	104.338.974.322	128.586.272.901
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	24.129.239.640	49.577.647.168
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.984.151.301.470	1.633.856.296.348
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	4.110.304.363	19.739.054.071
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		92.032.728.468	48.721.435.994
330	II. Nợ dài hạn		2.641.885.265.899	3.520.608.172.285
338	1. Vay dài hạn	20	2.635.121.466.692	3.514.618.455.939
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	6.763.799.207	5.989.716.346
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.189.143.311.589	5.194.557.551.973
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.189.143.311.589	5.194.557.551.973
411	1. Vốn cổ phần	22.1	3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	70.790.410.045	70.790.410.045
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	22.1	5.517.214.120	5.517.214.120
415	4. Cổ phiếu quỹ	22.1	(902.752.100)	(902.752.100)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	366.706.495.008	231.918.495.008
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	922.915.352.519	1.071.335.074.900
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		435.323.163.900	262.249.247.114
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		487.592.188.619	809.085.827.786
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.4	8.217.481.997	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.079.575.597.727	11.780.141.509.733

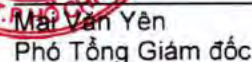


Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



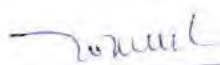

Mai Văn Yên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	8.850.850.245.919	8.757.009.785.645
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(641.893.471.300)	(520.324.767.060)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	8.208.956.774.619	8.236.685.018.585
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(6.865.886.954.441)	(6.613.320.759.227)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.343.069.820.178	1.623.364.259.358
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	17.491.721.007	79.246.184.835
22	7. Chi phí tài chính	26	(477.312.477.594)	(377.780.159.915)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(311.657.116.852)	(347.362.703.816)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		438.088.771	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(123.086.610.651)	(137.645.570.721)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(192.224.989.602)	(212.543.315.829)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		568.375.552.109	974.641.397.728
31	12. Thu nhập khác	27	32.199.089.870	45.660.697.552
32	13. Chi phí khác	27	(231.886.540)	(1.372.193.328)
40	14. Lợi nhuận khác		31.967.203.330	44.288.504.224
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		600.342.755.439	1.018.929.901.952
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(109.727.818.855)	(208.067.666.439)
52	17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	29.1	(4.691.763.895)	(1.776.407.727)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		485.923.172.689	809.085.827.786
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		487.592.188.619	809.085.827.786
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.669.015.930)	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.278	1.807
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	1.278	1.807




Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán




Mai Văn Yên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

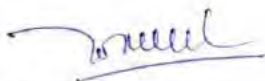
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		600.342.755.439	1.018.929.901.952
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		719.080.558.675	678.129.827.124
03	Hoàn nhập dự phòng		(20.067.004.906)	(4.379.003.073)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		118.624.215.262	(25.993.619.861)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.862.280.873)	(81.976.856.258)
06	Chi phí lãi vay	26	311.657.116.852	347.362.703.816
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.698.775.360.449	1.932.072.953.700
09	Tăng các khoản phải thu		(69.244.177.207)	(67.777.064.914)
10	Tăng hàng tồn kho		(21.186.157.409)	(91.193.563.601)
11	Giảm các khoản phải trả		(181.144.143.254)	(67.074.002.510)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(662.534.748)	3.691.210.953
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		10.718.499.408	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(318.730.887.554)	(350.883.516.678)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(117.287.587.342)	(261.021.373.665)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.685.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(76.386.392.526)	(81.219.337.442)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		924.867.664.817	1.016.595.305.843
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(87.643.539.009)	(131.727.135.851)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		22.520.428.823	37.009.606.740
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		14.595.023.122	(13.770.000.000)
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		15.227.973.173	16.478.979.426
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(35.300.113.891)	(92.008.549.685)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.033.453.480.494	2.394.701.755.467
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.681.210.623.055)	(3.178.577.519.651)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(380.670.372.000)	(143.171.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.028.427.514.561)	(784.018.935.684)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(138.859.963.635)	140.567.820.474
60	Tiền đầu năm		486.088.026.256	345.519.758.971
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.601.874)	446.811
70	Tiền cuối năm	5	347.226.460.747	486.088.026.256



Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



Maí Văn Yên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014
Ngày 8 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất tại Trạm nghiền Thủ Đức đã được ngừng và Công ty đang thực hiện việc di dời theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (1) công ty con và một (1) công ty liên kết như sau:

Công ty con

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ ("Trường Thọ")

Trường Thọ, trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ, là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo GCNĐKKD số 0313888915 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Trường Thọ có trụ sở chính được đăng ký tại Lầu 16, Tòa nhà Sailing, Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 65% vốn chủ sở hữu trong Trường Thọ.

Công ty liên kết

Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô ("Nguyễn Quang")

Nguyễn Quang là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo GCNĐKKD số 0312984849 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2014. Nguyễn Quang có trụ sở chính được đăng ký tại Số 701 Đường Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Nguyễn Quang. Tuy nhiên, vào ngày 23 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 24% vốn chủ sở hữu trong Nguyễn Quang.

Số lượng công nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.587 (31 tháng 12 năm 2016: 2.826).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và sản phẩm dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung cố liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyên nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Nhóm Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 25 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng, hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại, sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Nhóm Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm liên quan đến xi măng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Mua Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ ("Trường Thọ")

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 150.000 cổ phiếu của Trường Thọ từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên với giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 VND, tương đương 5% tỷ lệ sở hữu. Cùng ngày này, Công ty cũng đã nhận chuyển nhượng 423.000 cổ phiếu của Trường Thọ từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C với giá chuyển nhượng là 4.230.000.000 VND, tương đương 14,1% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, Trường Thọ, là công ty liên kết hiện hữu, đã trở thành công ty con của Công ty, với tỷ lệ sở hữu là 65%.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Trường Thọ vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

*Giá trị hợp lý được
xác định tại ngày mua
VND*

Tài sản		
Tiền và các khoản tương đương tiền		20.325.023.122
Các khoản phải thu		20.000.000
Hàng tồn kho		7.827.875.976
Các tài sản khác		532.549.110
		28.705.448.208
Nợ phải trả		
Nợ ngắn hạn		458.311.275
		458.311.275
Tổng tài sản thuần		28.247.136.933
Phần tài sản thuần được hợp nhất, 65%		18.360.639.006
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh		334.796.846
Tổng chi phí hợp nhất		18.695.435.852
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 45,9% ban đầu tại ngày mua thêm để đạt được quyền kiểm soát</i>		12.965.435.852
<i>Chi phí hợp nhất phát sinh thêm, 19,1%</i>		5.730.000.000

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	175.994.493	236.869.767
Tiền gửi ngân hàng	333.713.283.742	485.851.156.489
Các khoản tương đương tiền	13.337.182.512	-
TỔNG CỘNG	347.226.460.747	486.088.026.256

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng cho Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh thể hiện các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	388.299	-	388.299	7.632.180.000	(1.361.110.450)	6.271.069.550	
Các khoản đầu tư khác	57.403.707	(20.401.084)	37.002.623	3.144.111.414	(2.008.903.364)	1.135.208.050	
TỔNG CỘNG	57.792.006	(20.401.084)	37.390.922	10.776.291.414	(3.370.013.814)	7.406.277.600	

6.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)		10.200.000.000		23.970.000.000
Nguyễn Quang	24,00%	10.200.000.000	24,00%	10.200.000.000
Trương Thọ	-	-	45,90%	13.770.000.000
Đầu tư vào các công ty khác (**)	3.010.000	29.549.100.000	3.010.000	29.414.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác		(26.450.900.000)		(26.586.000.000)
TỔNG CỘNG		39.749.100.000		53.384.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND		
	Nguyễn Quang	Trường Thọ	Tổng cộng
Giá trị đầu tư			
Số đầu năm	10.200.000.000	13.770.000.000	23.970.000.000
Giảm khoản đầu tư	-	(13.770.000.000)	(13.770.000.000)
Số cuối năm	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết			
Số đầu năm	-	-	-
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	1.242.652.919	(804.564.148)	438.088.771
Cổ tức được chia trong năm	(1.242.652.919)	-	(1.242.652.919)
Chuyển thành khoản đầu tư vào công ty con	-	804.564.148	804.564.148
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.200.000.000	13.770.000.000	23.970.000.000
Số cuối năm	10.200.000.000	-	10.200.000.000

(**) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	405.217.760.507	409.113.008.926
- Công ty TNHH Tân Xuân Anh	188.482.179.759	169.134.896.765
- Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc Gia Xây dựng Nông thôn mới Tỉnh Bình Phước	32.301.750.000	43.522.562.500
- Khách hàng khác	184.433.830.748	196.455.549.661
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	21.577.783.651	291.715.704
TỔNG CỘNG	426.795.544.158	409.404.724.630
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(2.656.659.300)
GIÁ TRỊ THUẬN	426.795.544.158	406.748.065.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	30.032.060.411	24.073.697.660
- Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Sài Gòn	11.263.824.000	66.000.000
- Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	4.060.871.454	-
- Người bán khác	14.707.364.957	24.007.697.660
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	522.603.500	872.413.000
TỔNG CỘNG	30.554.663.911	24.946.110.660

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	68.325.751.058	19.867.036.426
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiền Thủ Đức	27.544.997.000	-
Phải thu bồi thường từ công ty bảo hiểm	14.826.360.179	4.457.563.000
Cho bên liên quan mượn nguyên vật liệu (Thuyết minh số 30)	14.037.745.400	-
Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	-	9.679.963.052
Phải thu khác	11.916.648.479	5.729.510.374
Dài hạn	11.049.895.574	11.818.942.773
Kỳ quỹ, kỳ cược	11.049.895.574	11.818.942.773
TỔNG CỘNG	79.375.646.632	31.685.979.199
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.023.695.896)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	78.351.950.736	31.685.979.199

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	393.544.399.048	-	471.846.953.295	-
Nguyên vật liệu	363.987.178.590	(30.739.686.979)	297.444.947.411	(30.834.348.904)
Hàng mua đang đi đường	86.825.170.911	-	50.730.813.307	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	15.862.804.475	-	4.737.837.527	-
Công cụ, dụng cụ	2.210.510.739	-	3.471.404.439	-
TỔNG CỘNG	862.430.063.763	(30.739.686.979)	828.231.955.979	(30.834.348.904)

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của hàng tồn kho bất động sản với số tiền là 8.371.405.391 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	(30.834.348.904)	(34.769.605.664)
Dự phòng trích lập trong năm	-	(28.643.396.857)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	94.661.925	32.578.653.617
Số cuối năm	<u>(30.739.686.979)</u>	<u>(30.834.348.904)</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	5.170.090.474	4.827.318.285
Chi phí bảo hiểm	5.102.043.474	4.566.104.168
Khác	68.047.000	261.214.117
Dài hạn	93.013.807.671	95.597.815.057
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	54.555.877.851	53.225.105.049
Chi phí bốc tăng phủ	31.302.380.808	28.854.659.920
Khác	7.155.549.012	13.518.050.088
TỔNG CỘNG	<u>98.183.898.145</u>	<u>100.425.133.342</u>

(*) Đã được Nhóm Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	3.852.673.271.886	8.453.904.737.986	368.839.433.059	30.915.774.215	964.684.370.875	13.671.017.588.021
Mua mới trong năm	-	14.492.814.093	-	1.054.988.000	75.000.000	15.622.802.093
Đầu tư xây dựng cơ bản ("ĐT XD CB") hoàn thành	(19.127.506.785)	409.107.981.234	(2.237.178.593)	367.468.418	(155.794.937.464)	232.315.826.810
Phân loại lại	(208.938.995.521)	340.650.612.615	(36.417.519.645)	11.110.749.021	(106.404.846.470)	-
Giảm khác	(540.378.352)	(13.809.835)	-	-	(1.448.285.987)	(2.002.474.174)
Thanh lý, nhượng bán	(133.310.317.266)	(298.991.251.012)	(801.359.112)	(3.041.478.642)	(3.651.936.788)	(439.796.342.820)
Số cuối năm	3.490.756.073.962	8.919.151.085.081	329.383.375.709	40.407.501.012	697.459.364.166	13.477.157.399.930
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	115.834.827.392	862.978.135.825	92.527.469.950	15.100.759.403	34.741.268.116	1.121.182.460.686
Chờ thanh lý	825.472.797	488.766.498	2.200.000.000	58.701.240	-	3.572.940.535
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	1.147.357.156.210	3.502.974.993.606	243.785.047.552	24.416.243.128	234.809.877.079	5.153.343.317.575
Khấu hao trong năm	128.883.662.800	517.260.136.371	35.480.062.306	5.107.553.818	27.427.019.551	714.158.434.846
Phân loại lại	87.023.861.783	(30.331.613.286)	(55.927.304.214)	1.461.831.647	(2.226.775.930)	-
Thanh lý, nhượng bán	(133.078.874.445)	(291.464.055.585)	(801.359.112)	(3.041.478.642)	(3.651.936.788)	(432.037.704.572)
Số cuối năm	1.230.185.806.348	3.698.439.461.106	222.536.446.532	27.944.149.951	256.358.183.912	5.435.464.047.849
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	2.705.316.115.676	4.950.929.744.380	125.054.385.507	6.499.531.087	729.874.493.796	8.517.674.270.446
Số cuối năm	2.260.570.267.614	5.220.711.623.975	106.846.929.177	12.463.351.061	441.101.180.254	8.041.693.352.081
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	129.939.382	-	-	-	129.939.382

Nhóm Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	105.613.469.742	4.020.085.388	19.253.859.180	128.887.414.310
Mua mới trong năm	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Phân loại sang chi phí trả trước	(3.410.515.237)	-	-	(3.410.515.237)
Thanh lý, nhượng bán	-	(772.731.268)	(72.521.722)	(845.252.990)
Số cuối năm	<u>102.202.954.505</u>	<u>3.247.354.120</u>	<u>25.181.337.458</u>	<u>130.631.646.083</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.789.508.560	3.247.354.120	5.093.145.778	10.130.008.458
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	5.953.687.693	3.708.964.143	9.894.111.183	19.556.763.019
Hao mòn trong năm	630.355.449	311.121.245	3.994.167.200	4.935.643.894
Thanh lý, nhượng bán	-	(772.731.268)	(72.521.722)	(845.252.990)
Phân loại sang chi phí trả trước	(506.745.292)	-	-	(506.745.292)
Số cuối năm	<u>6.077.297.850</u>	<u>3.247.354.120</u>	<u>13.815.756.661</u>	<u>23.140.408.631</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>99.659.782.049</u>	<u>311.121.245</u>	<u>9.359.747.997</u>	<u>109.330.651.291</u>
Số cuối năm	<u>96.125.656.655</u>	<u>-</u>	<u>11.365.580.797</u>	<u>107.491.237.452</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu (*)	531.736.757.897	505.475.308.617
Các dự án tại Bình Phước	316.855.500.597	287.806.418.115
Các dự án tại Kiên Lương	74.665.894.137	186.594.467.859
Khác	33.778.346.288	136.283.410.502
TỔNG CỘNG	957.036.498.919	1.116.159.605.093

- (*) - Nhóm Công ty đã thế chấp một phần chi phí dự án cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 20).
- Chi phí lãi vay phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.996.306.165 VND.

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Chi phí lãi vay này phát sinh từ khoản vay nhằm đầu tư xây dựng dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay được vốn hóa	-	10.835.370.180

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	610.329.116.274	610.329.116.274	630.599.165.767	630.599.165.767
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	174.317.953.946	174.317.953.946	242.720.922.602	242.720.922.602
TỔNG CỘNG	784.647.070.220	784.647.070.220	873.320.088.369	873.320.088.369

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Toàn	5.785.383.090	1.807.616.795
Công ty TNHH Sản xuất Vôi Thương mại Dịch vụ Thống Nhất	5.072.041.760	37.881.485
Khác	31.224.115.686	22.901.574.089
TỔNG CỘNG	42.081.540.536	24.747.072.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	44.021.479.368	254.570.696.582	(282.592.071.305)	16.000.104.645
Thuế TNDN	35.457.269.006	109.727.818.855	(117.287.587.342)	27.897.500.519
Thuế thu nhập cá nhân	7.570.569.743	18.360.551.950	(19.976.125.979)	5.954.995.714
Thuế tài nguyên	12.593.018.812	54.330.200.671	(62.526.437.124)	4.396.782.359
Thuế xuất, nhập khẩu	919.544.849	3.802.975.135	(4.429.729.343)	292.790.641
Thuế, phí khác	4.207.758.130	43.985.627.952	(46.242.215.561)	1.951.170.521
TỔNG CỘNG	104.769.639.908	484.777.871.145	(533.054.166.654)	56.493.344.399

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	62.191.134.068	69.243.717.629
Khác	9.130.563.210	6.411.914.355
TỔNG CỘNG	71.321.697.278	75.655.631.984
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	71.011.720.253	75.341.349.722
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	309.977.025	314.282.262

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tài trợ giáo dục	7.499.975.711	17.393.050.000
Cổ tức phải trả	5.028.885.300	4.157.346.300
Tài sản thừa chờ xử lý	2.542.036.386	13.907.138.785
Khác	9.058.342.243	14.120.112.083
TỔNG CỘNG	24.129.239.640	49.577.647.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.984.151.301.470	1.633.856.296.348
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	1.111.226.892.157	888.330.042.723
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	870.224.409.313	744.526.253.625
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	2.700.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn	2.635.121.466.692	3.514.618.455.939
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	2.576.264.884.219	3.444.961.873.466
Vay dài hạn bên khác (Thuyết minh số 20.3)	41.288.008.866	52.088.008.866
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 20.4)	17.568.573.607	17.568.573.607
TỔNG CỘNG	<u>4.619.272.768.162</u>	<u>5.148.474.752.287</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.633.856.296.348	3.514.618.455.939
Tiền thu từ đi vay	2.994.211.517.911	39.241.962.583
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	992.847.118.709	(992.847.118.709)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.681.210.623.055)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	44.446.991.557	74.108.166.879
Số cuối năm	<u>1.984.151.301.470</u>	<u>2.635.121.466.692</u>
Số có khả năng trả nợ	1.984.151.301.470	2.635.121.466.692

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Nhóm Công ty nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND
	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	370.251.497.767
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	524.915.451.489
Vietinbank – Chi nhánh Kiên Giang (*)	91.132.450.151
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	124.927.492.750
TỔNG CỘNG	<u>1.111.226.892.157</u>

(*) Các khoản vay ngắn hạn này có cùng tài sản thế chấp với các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 20.2); và

(**) Đây là các khoản vay ngắn hạn tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
BIDV – Chi nhánh Sở Giao dịch II (i)		
Khoản vay số 1	73.974.999.987	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 2	86.525.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 3	64.400.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2022
Khoản vay số 4	127.820.589.774	Ngày 22 tháng 6 năm 2020
Vay hợp vốn của 9 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Sở Giao dịch II làm đầu mối (ii)	1.399.933.888.973	Ngày 26 tháng 10 năm 2022
Ngân hàng Société Générale (iii)		
Khoản vay số 1	72.412.437.542	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 2	278.673.922.634	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 3	174.147.272.489	Ngày 28 tháng 2 năm 2020
Khoản vay số 4	88.800.145.151	Ngày 26 tháng 2 năm 2020
Vietinbank - Chi nhánh Kiên Giang (iv)		
Khoản vay số 1	219.382.570.429	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 2	142.574.374.999	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (v)	68.619.204.157	Ngày 30 tháng 12 năm 2018
Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang (vi)		
Khoản vay số 1	42.837.950.180	Ngày 8 tháng 5 năm 2018
Khoản vay số 2	21.400.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ngân hàng Calyon (vii)		
Khoản vay số 1	351.380.977.952	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Khoản vay số 2	112.070.394.772	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vay hợp vốn của 2 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa làm đầu mối (viii)		
Khoản vay số 1	69.414.670.548	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
Khoản vay số 2	52.120.893.945	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	<u>3.446.489.293.532</u>	
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	870.224.409.313	
Vay dài hạn	2.576.264.884.219	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

- (i) Mục đích của khoản vay số 1, 2 và 3 nhằm tài trợ việc xây dựng Trạm nghiền Phú Hữu tọa lạc tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
Mục đích của khoản vay số 4 nhằm tài trợ chi phí đầu tư dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Thời gian vay là 5 năm với lãi suất thỏa thuận. Công ty đã thế chấp quyền thừa kế chủ đầu tư đường bộ Phú Hữu B.O.T (bao gồm quyền thu phí) và các quyền tài sản khác phát sinh từ dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T; thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty và tài sản được hình thành từ vốn vay của dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T.
- (ii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Nhà máy Xi măng Bình Phước và Trạm nghiền Phú Hữu, lần lượt tọa lạc tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước và tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (iii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ gói thiết bị số 1 của Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng và LIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (iv) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Tài sản thế chấp cho các khoản vay này là quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (v) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời hạn vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vi) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Long An tọa lạc tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Hà Tiên 2.2. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (viii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc tiếp nhận Dự án Trạm nghiền Cam Ranh tọa lạc tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

20.3 Vay dài hạn bên khác

	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	43.988.008.866	Ngày 26 tháng 4 năm 2020
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	2.700.000.000	
Vay dài hạn	41.288.008.866	

Đây là khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay là 7 năm 6 tháng với lãi suất thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Vay dài hạn bên liên quan

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
	<i>VND</i>	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	<u>17.568.573.607</u>	Ngày 25 tháng 4 năm 2020

Đây là khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Ngắn hạn	4.110.304.363	19.739.054.071
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.110.304.363	3.082.728.271
Chi phí liên quan đến việc di dời Trạm nghiền Thủ Đức	-	16.656.325.800
Dài hạn	6.763.799.207	5.989.716.346
Phí phục hồi môi trường	<u>6.763.799.207</u>	<u>5.989.716.346</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.874.103.570</u>	<u>25.728.770.417</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	3.180.000.000.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	195.460.495.008	1.047.566.357.114	4.498.431.724.187
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	635.899.110.000	-	-	-	-	(635.899.110.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	809.085.827.786	809.085.827.786
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	36.458.000.000	(149.418.000.000)	(112.960.000.000)
Số đầu năm	<u>3.815.899.110.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>231.918.495.008</u>	<u>1.071.335.074.900</u>	<u>5.194.557.551.973</u>
Năm nay							
Số đầu năm	3.815.899.110.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	231.918.495.008	1.071.335.074.900	5.194.557.551.973
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(381.541.911.000)	(381.541.911.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	487.592.188.619	487.592.188.619
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	134.788.000.000	(254.470.000.000)	(119.682.000.000)
Số cuối năm	<u>3.815.899.110.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>366.706.495.008</u>	<u>922.915.352.519</u>	<u>5.180.925.829.592</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	3.815.899.110.000	3.180.000.000.000
Tăng trong năm	-	635.899.110.000
Số cuối năm	3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	381.541.911.000	-
Cổ tức năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	381.541.911.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	380.670.372.000	143.171.500

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	381.589.911	3.815.899.110.000	381.589.911	3.815.899.110.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	381.589.911	3.815.899.110.000	381.589.911	3.815.899.110.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	48.000	480.000.000	48.000	480.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	381.541.911	3.815.419.110.000	381.541.911	3.815.419.110.000

22.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND
	Năm nay
Số đầu năm	-
Tăng do mua công ty con	9.886.497.927
Lỗ trong năm	(1.669.015.930)
Số cuối năm	8.217.481.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	8.850.850.245.919	8.757.009.785.645
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.818.373.747.982	8.656.558.986.546
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	32.476.497.937	100.450.799.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	(641.893.471.300)	(520.324.767.060)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(641.893.471.300)</i>	<i>(520.324.767.060)</i>
Doanh thu thuần	<u>8.208.956.774.619</u>	<u>8.236.685.018.585</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.176.480.276.682	8.136.234.219.486
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	32.476.497.937	100.450.799.099
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	8.175.058.491.941	8.204.910.390.904
<i>Doanh thu với bên liên quan</i>	33.898.282.678	31.774.627.681

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.486.312.654	13.470.491.426
Thu nhập từ cổ tức	2.499.007.600	3.008.488.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.170.776.658	31.483.993.544
Khác	2.335.624.095	31.283.211.865
TỔNG CỘNG	<u>17.491.721.007</u>	<u>79.246.184.835</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của xi măng, clinker	6.834.641.634.899	6.503.365.311.436
Giá vốn của vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	31.245.319.542	109.955.447.791
TỔNG CỘNG	<u>6.865.886.954.441</u>	<u>6.613.320.759.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	123.086.610.651	137.645.570.721
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	61.525.314.772	66.022.899.572
Chi phí nhân viên	38.708.247.915	40.397.525.696
Các chi phí khác	22.853.047.964	31.225.145.453
Chi phí quản lý doanh nghiệp	192.224.989.602	212.543.315.829
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	72.709.906.905	72.692.452.086
Chi phí nhân viên	70.555.616.525	62.620.432.150
Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	-	26.675.228.100
Các chi phí khác	48.959.466.172	50.555.203.493
TỔNG CỘNG	<u>315.311.600.253</u>	<u>350.188.886.550</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	311.657.116.852	347.362.703.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	143.754.480.903	1.803.567.615
Chiết khấu thanh toán	22.720.315.690	27.333.229.084
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn	(819.435.851)	1.280.659.400
TỔNG CỘNG	<u>477.312.477.594</u>	<u>377.780.159.915</u>

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	32.199.089.870	45.660.697.552
Thu nhập từ thanh lý tài sản	16.438.871.848	34.214.664.967
Khác	15.760.218.022	11.446.032.585
Chi phí khác	(231.886.540)	(1.372.193.328)
Khác	(231.886.540)	(1.372.193.328)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>31.967.203.330</u>	<u>44.288.504.224</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.849.984.587.858	4.757.983.559.126
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	719.008.571.313	677.780.039.297
Chi phí nhân viên	547.637.590.705	616.447.323.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	988.981.573.353	1.076.065.582.200
TỔNG CỘNG	7.105.612.323.229	7.128.276.503.634

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con trong năm hiện hành là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	109.540.830.804	208.067.666.439
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	186.988.051	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	4.691.763.895	1.776.407.727
TỔNG CỘNG	114.419.582.750	209.844.074.166

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	600.342.755.439	1.018.929.901.952
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	120.068.551.088	203.785.980.390
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(748.332.104)	(601.697.600)
Khác	(4.900.636.234)	6.659.791.376
Chi phí thuế TNDN	114.419.582.750	209.844.074.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	2.430.056.015	7.122.358.467	(4.692.302.452)	(1.778.048.921)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	345.035	(193.522)	538.557	1.641.194
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>2.430.401.050</u>	<u>7.122.164.945</u>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			<u>(4.691.763.895)</u>	<u>(1.776.407.727)</u>

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Bên liên quan của Nhóm Công ty phần lớn là các đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công xi măng Bán cát, pozulan Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ Mua nguyên vật liệu Bán clinker, vật tư	961.829.750.013 678.411.092 99.837.045 - -	663.529.289.620 - - 7.786.144.462 6.017.443.955
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Mua than	543.271.894.781	306.716.956.490
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí tư vấn Mua vỏ bao Bán xi măng Chi phí lãi vay Chi phí hỗ trợ	113.047.877.640 7.895.266.880 2.652.681.820 1.234.011.796 -	124.140.754.978 775.716.760 2.229.695.460 1.250.296.823 4.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển Bán xi măng Nhận chuyển nhượng vốn góp Cung cấp dịch vụ	97.774.318.238 1.828.233.000 1.500.000.000 5.096.320	122.475.888.976 - - 221.993.731
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch – Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Bên liên quan	Phí gia công xi măng	36.032.617.131	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao Thu nhập cổ tức	34.286.304.019 420.000.000	16.079.808.773 280.000.000
Công ty TNHH Xi Măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Bán clinker	14.445.968.000	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	13.751.196.310	22.492.349.839
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển Cung cấp dịch vụ	11.923.582.047 36.724.544	11.098.476.028 36.944.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Bên liên quan	Chi phí dự án	9.320.198.428	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	6.387.558.020	5.864.285.259
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	8.504.994.539	10.064.394.007
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker Bán cát	3.289.907.047 403.422.728	8.689.047.549 311.905.455
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu Thanh lý tài sản Mua clinker	14.037.745.400 995.263.091 -	- - 37.468.059.545
Nhà máy Vật liệu chịu lửa Kiểm tinh Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	1.412.670.000	1.390.571.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Thanh lý tài sản Phí gia công	681.818.182 -	- 2.804.727.272
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Bán cát Mua clinker	69.721.364 -	92.422.910 5.715.821.444
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Tam Điệp	Bên liên quan	Mua clinker Bán hàng hóa Bán cát Mua tài sản cố định	- - - -	31.549.886.169 2.073.341.140 110.260.000 853.031.818
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Mua clinker Bán cát	- -	8.102.705.457 154.215.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Mua clinker	-	6.386.734.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Bán cát	-	108.306.150
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	283.172.000	714.928.800
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Bên liên quan	Phí đào tạo	111.360.000	184.720.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Bên liên quan	Bán công cụ dụng cụ	24.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>
				<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Xi Măng Siam City Nhon Trạch	Bên liên quan	Bán clinker	9.483.768.800	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	9.351.215.500	111.002.100
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Thanh lý tài sản	1.094.789.400	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Thanh lý tài sản	750.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Bán pozulan, công cụ dụng cụ	595.259.951	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Bim Sơn	Bên liên quan	Bán cát	302.750.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Bán cát	-	169.636.500
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	11.077.104
			21.577.783.651	291.715.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu	<u>14.037.745.400</u>	<u>-</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	<u>522.603.500</u>	<u>872.413.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(64.767.843.503)	(68.319.356.850)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn Mua vỏ bao	(61.540.395.981) -	(68.553.315.787) (853.288.436)
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công	(32.431.296.995)	(57.873.623.530)
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch – Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Bên liên quan	Phí gia công	(3.713.502.375)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(3.268.615.790)	(2.383.951.610)
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua vỏ bao	(2.523.259.867)	(4.137.540.000)
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	(2.314.121.030)	(2.175.100.425)
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao	(2.128.500.000)	(4.468.786.740)
Nhà Máy Vật liệu Chịu lửa Kiểm tính Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	(1.630.418.405)	(1.529.628.100)
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Mua than	-	(22.696.460.820)
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	-	(9.557.952.304)
Viện Công Nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	-	(171.918.000)
			<u>(174.317.953.946)</u>	<u>(242.720.922.602)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	<u>(309.977.025)</u>	<u>(314.282.262)</u>
Vay dài hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>(17.568.573.607)</u>	<u>(17.568.573.607)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác	5.274.497.974	4.658.577.084
Thù lao của Hội đồng Quản trị	444.000.000	468.000.000
TỔNG CỘNG	<u>5.718.497.974</u>	<u>5.126.577.084</u>

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	487.592.188.619	809.085.827.786
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>-</u>	<u>119.682.000.000</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	487.592.188.619	689.403.827.786
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (cổ phiếu)	381.541.911	381.541.911
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.278	1.807
- Lãi suy giảm	1.278	1.807

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu.

(*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2017.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	21.543.848.144	21.386.335.165
Từ 1 - 5 năm	37.524.262.691	47.140.334.959
Trên 5 năm	226.337.631.416	285.431.092.970
TỔNG CỘNG	285.405.742.251	353.957.763.094

Số đầu năm của cam kết thuê hoạt động đã được trình bày lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh các hợp đồng thuê đất của Nhóm Công ty đã được cập nhật trong năm.

33. TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.395.687.412	1.395.687.412
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	137.606	350.848
- Euro (EUR)	74	90

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 1, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.






Nguyễn Thị Loan
 Người lập

Lê Thị Phương Dung
 TP Tài chính Kế toán

Mai Văn Yên
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018